TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2026
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Đ, xã V, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2025 nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Vợ chồng trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cải, bất đồng quan điểm không thể hàn gắng được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con

chung gồm Đặng Thị N1, giới tính nữ, sinh năm 1991 và Đặng Thị N2, giới tính nữ, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Xác định vợ chồng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông N không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Đặng Văn N. Về con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt phiên tòa; bị đơn ông N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 6, An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Bà T, ông N chung sống năm 1990 sau đó có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Quá trình chung sống bà T, ông N không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và

nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay có mâu thuẫn và bà T yêu cầu ly hôn với ông N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Đặng Văn N.

[4] *Về con chung:* Xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm Đặng Thị N1, giới tính nữ, sinh năm 1991 và Đặng Thị N2, giới tính nữ, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn bà T chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị T và ông Đặng Văn N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Đặng Thị N1, giới tính nữ, sinh năm 1991 và Đặng Thị N2, giới tính nữ, sinh năm 1994. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Thúy C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0009570 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T không phải nộp thêm.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6- An Giang;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng